TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 31–3–2025
V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp; Bà Lý Thị Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 31-12-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-3-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24-3-2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27-3-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản TCC, xã TC1, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn P, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản TCC, xã TC1, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Chị Lò Thị N và anh Quàng Văn P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TC1, huyện TC, tỉnh Sơn La, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, được hai bên gia đình tổ chức hoà giải nhưng không thành, ly thân từ năm

2023 đến nay không còn tình cảm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Quàng Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 hiện cháu đang ở với anh P. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị Lò Thị N giao cho anh Quàng Văn P nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Quàng Văn P đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Toà án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh ngày 26/02/2025 đối với bố mẹ đẻ anh Quàng Văn P tại bản TCC, xã TC1, huyện TC cho biết: Anh Quàng Văn P và chị Lò Thị N kết hôn hợp pháp từ năm 2017, chung sống với nhau có mâu thuẫn, vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hoà giải nhưng không thành, sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 hiện đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng ở cùng nhà với ông C, bà N (bố mẹ đẻ anh P). Hiện anh P đang làm nghề nông nghiệp có thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Bố mẹ đẻ anh Quàng Văn P xác nhận đã giao tất cả các văn bản tố tụng của Toà án cho anh P biết, tuy nhiên anh P cho rằng không đến Toà án làm việc vì đã thoả thuận ly hôn với chị N.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, quá trình giải quyết vụ án vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và giao các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Quàng Văn P để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh P vẫn vắng

mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do chính đáng. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Quàng Văn P.

Về con chung: Giao cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 cho anh Quàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con do không ai yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị N yêu cầu ly hôn với anh Quàng Văn P có địa chỉ nơi cư trú tại bản TCC, xã TC1, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Quàng Văn P đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Quàng Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TC1, huyện TC, tỉnh Sơn La, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Do đó, chị N và anh P là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, được hai bên gia đình hoà giải nhưng không hàn gắn được, đã ly thân từ năm 2023 đến nay, chị N kiên quyết xin ly hôn với anh P.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh P để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Quàng Văn P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh P không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được, vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, không thể hàn gắn được. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị N.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị N ly hôn với anh Quàng Văn P.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 hiện đang do anh P nuôi dưỡng.

Ý kiến của chị Lò Thị N nếu ly hôn giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị N đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, kết quả xác minh thể hiện con chung đang ở với anh P tại bản TCC, xã TC1, huyện TC, anh P đảm bảo mọi điều kiện về chỗ ở, thu nhập để nuôi con chung. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chung của vợ chồng, cần giao cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 cho anh Quàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị N. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Quàng Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị AN, sinh ngày 14/11/2019 cho anh Quàng Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (chị N) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Quàng Văn P không có ý kiến. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã TC1, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh